

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST

Ngày: 09/02/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Bờ

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên

Trong các ngày 04 và 09 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-DS ngày 12/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là V); Trụ sở: Số 89, đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp:

Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị - là người đại diện theo pháp luật.

Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1993, chức vụ: Chuyên viên XLN KHDN MN, (có mặt) và ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1991, chức vụ: Chuyên viên XLN KHDN MN, (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tầng 1, Số 96, đường C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh – là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 41215/2020/UQ-PGD ngày 28/07/2020),

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên X (tên công ty viết tắt: CTY TNHH MTV X); trụ sở: Số 123, tổ 7, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang

Người đại diện: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1977, nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, chức danh: Giám đốc – là Người đại diện theo pháp luật (có mặt)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1977, nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là V) trình bày:*

Ngày 03/4/2018, CTY TNHH MTV X có mở giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm tại V chi nhánh An Giang, hạn mức thẻ là 80.000.000đồng, thời hạn sử dụng thẻ tín dụng là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 25%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, được giữ cố định trong suốt thời hạn mức thẻ tín dụng. Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Trung H theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/AGG/18/0023/HDBL ngày 02/4/2018, ký giữa ông H với V chi nhánh An Giang.

Quá trình sử dụng vốn, CTY TNHH MTV X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với CTY TNHH MTV X để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH MTV X chưa thực hiện nghĩa vụ.

Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc CTY TNHH MTV X phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 78.940.367đồng, lãi quá hạn tính tới ngày 04/02/2021 là 94.457.411đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp CTY TNHH MTV X không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, ông Nguyễn Trung H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

- Bị đơn Công ty TNHH MTV X do ông Nguyễn Trung H đại diện trình bày:

Ngày 26/11/2020, ông H tự khai: Nguyên trước đây giữa ông là người đại diện theo pháp luật của CTY TNHH MTV X có làm hồ sơ mở thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm tại V-chi nhánh An Giang với hạn mức 80.000.000đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng từ lúc mở thẻ đến khoảng tháng 02/2020 thì tổng mức dư nợ trong thẻ tín dụng là 84.935.429đồng, yêu cầu được giảm phần lãi phát sinh từ khoảng tháng 2/2020 đến nay và cho trả dần số tiền 84.935.429đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, CTY TNHH MTV X thống nhất còn nợ V số tiền nợ gốc là 78.940.367đồng do sử dụng thẻ của V, còn đối tiền lãi thì do tình hình kinh tế khó khăn xin giảm lãi, do tình hình dịch bệnh nên công ty gặp khó khăn

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung H trình bày:

Ngày 02/4/2018, ông có ký hợp đồng bảo lãnh với V, nội dung hợp đồng bảo lãnh ông chỉ bảo lãnh cho CTY TNHH MTV X đối với Hợp đồng vay hạn mức ngày 02/4/2018 giữa CTY TNHH MTV X với V khoản vay 800.000.000đồng. Ông không bảo lãnh cho Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 03/4/2018 giữa V với CTY TNHH MTV X. Ông không đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho CTY TNHH MTV X theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng VP Bank.

** Tại phiên tòa:*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu CTY TNHH MTV X phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 78.940.367đồng, lãi quá hạn tính tới ngày

04/02/2021 là 94.457.411 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Yêu cầu ông Nguyễn Trung H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Bị đơn CTY TNHH MTV X thống nhất có hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ của V và còn nợ gốc là 78.940.367 đồng nhưng về phần lãi V tính quá cao nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung H thừa nhận có ký hợp đồng bảo lãnh cho CTY TNHH MTV X để vay của V số tiền 800.000.000 đồng. Hợp đồng vay tài sản này đã tất toán xong. Ông không thỏa thuận bảo lãnh cho hợp đồng phát hành thẻ của CTY TNHH MTV X với V. Vì vậy, Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung:

Tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 03/4/2018 thể hiện CTY TNHH MTV X có hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ của V. Hợp đồng được người đại diện của CTY TNHH MTV X ký tên và đóng dấu giáp lai. Quá trình thực hiện hợp đồng do CTY TNHH MTV X không trả tiền vay theo đúng thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất CTY TNHH MTV X còn nợ V số tiền nợ gốc là 78.940.367 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V khởi kiện là có căn cứ. Tại các bảng sao kê thể hiện lãi trong kỳ và phí quá hạn hàng kỳ được cộng vào dư nợ cuối kỳ và CTY TNHH MTV X đã thanh toán hàng tháng trong mức thanh toán tối thiểu. Do CTY TNHH MTV X vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng yêu cầu lãi quá hạn là có căn cứ. Để bảo lãnh cho CTY TNHH MTV X vay tiền của V nên ngày 02/4/2018 ông Nguyễn Trung H đã ký hợp đồng bảo lãnh cho CTY TNHH MTV X, bên được bảo lãnh là V. Nội dung hợp đồng thể hiện ông H bảo lãnh cho Hợp đồng vay hạn mức ngày 02/4/2018 và các văn bản tín dụng khác giữa CTY TNHH MTV X với V. Do đó, Ông H có nghĩa vụ bảo lãnh đối với hợp đồng phát hành thẻ các bên đang tranh chấp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là V) khởi kiện yêu cầu CTY TNHH MTV X (Sau đây gọi tắt là Công ty X) trả tiền vay theo Hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế nên đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. V với CTY TNHH MTV X đều có đăng ký kinh doanh và mục đích hợp đồng tín dụng nhằm sinh lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữa các đương sự không có thỏa thuận lựa chọn cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp và CTY TNHH MTV X có trụ sở tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng

thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/4/2018, giữa Ngân hàng TMCP V với CTY TNHH MTV X được các đương sự ký kết, thể hiện có sự ký tên và đóng dấu của CTY TNHH MTV X. Tại phiên tòa, Người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận người sử dụng thẻ là Công ty X. Các đương sự thống nhất CTY TNHH MTV X còn nợ gốc V số tiền 78.940.367đồng. Do đó, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo thỏa thuận của hợp đồng. CTY TNHH MTV X không đồng ý số tiền lãi theo yêu cầu của V. Xét yêu cầu về nợ gốc và lãi quá hạn của V thì thấy:

Tại Bản sao kê tài khoản thẻ doanh nghiệp tên khách Công ty TNHH MTV X do V lập các ngày:

Bản sao kê ngày 05/01/2020 thể hiện: dư nợ cuối kỳ là 72.250.710đ (bao gồm: dư nợ kỳ trước là 81.740.367đ + lãi trong kỳ 2.197.288đ + phí chậm thanh toán 613.052đ – thanh toán trong kỳ 12.300.000đ = 72.250.710đ), số tiền tối thiểu phải thanh toán trước ngày 20/01/2020 là 10.837.607đ.

Bản sao kê ngày 05/02/2020 thể hiện: dư nợ cuối kỳ là 84.935.429đ (bao gồm: dư nợ kỳ trước là 72.250.709đ + dư nợ trong kỳ 9.901.500đ + lãi trong kỳ 2.241.339đ + phí chậm thanh toán 541.880đ – số tiền đã thanh toán trong kỳ 0đ = 84.935.429đ), số tiền tối thiểu phải thanh toán trước ngày 20/02/2020 là 23.577.921đ.

Bản sao kê ngày 05/03/2020 thể hiện: dư nợ cuối kỳ là 88.281.380đ (bao gồm: dư nợ kỳ trước là 84.935.428đ + lãi trong kỳ 2.167.055đ + phí chậm thanh toán 1.178.896đ = 88.281.380đ), số tiền tối thiểu phải thanh toán trước ngày 20/03/2020 là 36.820.128đ.

Đối chiếu ba bản sao kê trên với ngày sao kê, dư nợ đầu kỳ và cuối kỳ trong bảng kê tính lãi tới ngày 04/02/2021 của V cung cấp thì từng kỳ phù hợp về số tiền dư nợ đầu kỳ, lãi trong hạn, dư nợ cuối kỳ. CTY TNHH MTV X thừa nhận từ ngày 20/02/2020 đến nay do khó khăn về kinh tế nên chưa thanh toán bộ số dư nợ cuối kỳ 84.935.429đ (trong đó có cả số tiền tối thiểu phải thanh toán trước 20/2/2020 là 23.577.921đ) cho V. V cũng trình bày từ tháng 02/2020 đến nay CTY TNHH MTV X không thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho V. Vậy, theo bản sao kê và tính lãi dư nợ CTY TNHH MTV X còn nợ V là tính tới kỳ sao kê ngày 05/02/2010 là 84.935.429đ. Nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, V với CTY TNHH MTV X thống nhất số tiền nợ gốc CTY TNHH MTV X còn nợ V là 78.940.367đ. Các đương sự không tranh chấp về số tiền đã thực hiện trước đây. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên được ghi nhận. Vậy, CTY TNHH MTV X còn nợ V là 78.940.367đ nợ gốc và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện khởi kiện về nợ gốc của V là có căn cứ, buộc CTY TNHH MTV X phải trả số tiền nợ gốc là 78.940.367đ.

Về tiền lãi, Tại nội dung hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/4/2018 thể hiện: lãi suất trong hạn là 25%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, được giữ cố định trong suốt thời hạn mức thẻ tín dụng. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu không thanh toán đủ giá trị tối thiểu ghi nhận trên sao kê kỳ gần nhất thì phần giá trị tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà không thanh toán đủ giá trị thanh toán tối thiểu ghi nhận trên sao kê gần nhất thì toàn bộ dư nợ sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn tính lãi được

xác định từ ngày giải ngân khoản cấp tín dụng đến hết ngày liền kề trước ngày khách hàng thực tế thanh toán hết toàn bộ dự nợ. Từ ngày 21/01/2020 CTY TNHH MTV X thanh toán không đủ mức tối phải thanh toán tối thiểu kỳ sao kê các tháng 01,02,03 nên phát sinh lãi quá hạn từ ngày 21/01/2020. Tại bảng kê tính lãi tính đến ngày 04/02/2021 của V, thể hiện lãi phát sinh quá hạn = dư nợ cuối kỳ x (lãi suất vay x 150% lãi suất quá hạn) x số ngày/365. Mỗi kỳ sao kê là 01 tháng, lãi quá hạn phát sinh tháng trước được cộng vào dư nợ cuối kỳ tháng sau để tiếp tục tính lãi quá hạn. Tại hợp đồng phát hành thẻ thể hiện thời hạn tính lãi là số ngày thực tế khách hàng chưa thanh toán, không có thỏa thuận việc cộng lãi quá hạn tháng trước vào số nợ gốc tháng sau để tính lãi. Do đó, V yêu cầu số tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc là 78.940.367đồng từ ngày 21/01/2020 đến ngày 04/02/2021 (380 ngày) là 94.457.411đồng là không hợp lý nên cần tính lại.

Căn cứ vào hợp đồng và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, mức lãi quá hạn được áp dụng theo thỏa thuận là $25\% \times 150\% = 37,5\%/năm$, số nợ gốc các bên thống nhất là 78.940.367đồng, quá hạn từ ngày 21/01/2020 đến ngày 04/02/2021 là 380 ngày. Tiền lãi quá hạn được tính lại như sau:

$78.940.367\text{đồng} \times 37,5\%/năm \times 380\text{ngày}/365\text{ ngày} = 30.819.184\text{đồng}$.

Vậy, V khởi kiện yêu cầu CTY TNHH MTV X phải trả số tiền lãi quá hạn với số tiền 94.457.411đồng là không có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu về lãi quá hạn của V, buộc CTY TNHH MTV X phải thanh toán cho V số tiền lãi quá hạn là 30.819.184đồng.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, buộc CTY TNHH MTV X phải thanh toán cho V số tiền nợ gốc là 78.940.367đồng và lãi quá hạn là 30.819.184đồng, không chấp nhận một phần lãi quá hạn của V.

Xét nghĩa vụ bảo lãnh của ông H, Tuy ông H trình bày Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/4/2018 ông chỉ ký hợp đồng để bảo lãnh cho hợp đồng vay hạn mức ngày 02/4/2018 giữa CTY TNHH MTV X với V, không bảo lãnh cho hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ ngày 03/4/2018. Nhưng tại Điều 1 Hợp đồng bảo lãnh ngày 02/4/2018 thể hiện ông có nghĩa vụ bảo lãnh cho Hợp đồng hạn mức ngày 02/4/2018 và các văn bản tín dụng khác giữa bên được bảo lãnh là CTY TNHH MTV X với V. Mà giữa CTY TNHH MTV X với V có ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ ngày 03/4/2018 nên phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 335 và Điều 342 Bộ luật dân sự, buộc ông Nguyễn Trung H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn bị buộc phải trả tiền và nguyên đơn không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 280, 335, 342, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên X trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 78.940.367đồng (bảy mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng) và tiền lãi quá hạn là 30.819.184đ (Ba mươi triệu tám trăm mười chín nghìn một trăm tám mươi bốn đồng)

Không chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về lãi phát sinh quá hạn với số tiền 63.638.226đồng.

Công ty TNHH Một thành viên X tiếp tục phải trả lãi quá hạn theo hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ ngày 03/4/2018 cho Ngân hàng TMCP V kể từ ngày 04/02/2021 cho đến khi Công ty TNHH Một thành viên X trả hết nợ.

Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Trung H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí:

Công ty TNHH Một thành viên X phải chịu 5.487.977đồng (Năm triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi bảy đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V phải chịu 3.181.000đồng (Ba triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003752 ngày 12/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú tỉnh An Giang nên phải nộp thêm 181.000đồng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của các đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệp

